

TRƯỜNG THPT CHUYÊN
QUỐC HỌC HUẾ



ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC
GIA LẦN I

Môn : SINH HỌC

Năm học : 2016 - 2017

Thời gian làm bài : 50 phút
(40 câu trắc nghiệm)

Mã đề thi
312

Họ, tên thí sinh:

SBD:

Câu 1 (ID 168751): Năm 1928, Kapetrenco đã tiến hành lai cây cải bắp (loài *Brassica* $2n = 18$) với cây cải củ (loài *Raphanus* $2n = 18$) tạo ra cây lai khác loài, hầu hết các cây lai này đều bất thụ, một số cây lai ngẫu nhiên bị đột biến số lượng NST làm tăng gấp đôi bộ NST tạo thành các thể song nhị bội. Trong các đặc điểm sau, có bao nhiêu đặc điểm là **sai** với thể song nhị bội này?

- (1) Mang vật chất di truyền của hai loài ban đầu
- (2) Trong tế bào sinh dưỡng, các NST tồn tại thành từng nhóm, mỗi nhóm gồm 4 NST tương đồng
- (3) Có khả năng sinh sản hữu tính
- (4) Có kiểu gen đồng hợp tử về tất cả các cặp gen

A. 3

B. 2

C. 1

D. 4

Câu 2 (ID 168752): Thành tựu nào sau đây là ứng dụng của công nghệ tế bào?

- A. Tạo ra giống cây trồng lưỡng bội có kiểu gen đồng hợp tử về tất cả các gen
- B. Tạo ra giống cừu sản sinh prôtêin huyết thanh của người trong sữa
- C. Tạo ra giống lúa "gạo vàng" có khả năng tổng hợp β -carôten (tiền chất tạo vitamin A) trong hạt
- D. Tạo ra giống cà chua có gen làm chín quả bị bất hoạt.

Câu 3 (ID 168754): Ở đậu Hà Lan, gen A: thân cao, alen a: thân thấp; gen B: hoa đỏ, alen b: hoa trắng. hai cặp gen nằm trên 2 cặp nhiễm sắc thể thường khác nhau. Cho đậu thân cao, hoa đỏ dị hợp về 2 cặp gen tự thụ phấn được F_1 . Cho giao phấn ngẫu nhiên 1 cây thân cao, hoa trắng và 1 cây thân thấp, hoa đỏ của F_1 . Nếu không có đột biến và chọn lọc, tính theo lí thuyết thì xác suất xuất hiện đậu thân cao, hoa trắng ở F_2 là

A. 1/9

B. 8/9

C. 4/9

D. 2/9

Câu 4 (ID 168755): Ở sinh vật nhân sơ, xét các phát biểu sau:

- (1) Một mARN có thể mã hóa cho vài chuỗi polipeptit khác nhau.
- (2) Chỉ có một loại ARN polymerase chịu trách nhiệm tổng hợp rARN, mARN, tARN.
- (3) Sự phiên mã bắt đầu từ bộ ba AUG trên ADN.
- (4) Gen điều hòa trong mô hình operon Lac ở vi khuẩn là điểm gắn của chất cảm ứng.

Số phát biểu đúng là

A. 2

B. 1

C. 3

D. 4

Câu 5 (ID 168759): Một loài có bộ NST $2n=14$, khi giảm phân thấy có 3 cặp xảy ra trao đổi chéo tại 1 điểm và 1 cặp bị rối loạn phân li, các cặp NST còn lại giảm phân bình thường. Số loại trứng tối đa của loài trên là

A. 768

B. 1256

C. 1536

D. 1024

Câu 6 (ID 168760): Cho các trường hợp sau:

(1) Thể đồng hợp lặn. (2) Thể dị hợp. (3) Gen lặn trên vùng không tương đồng của NST X ở giới dị giao tử.

(4)Thể đơn bội. (5)Thể tam nhiễm. (6) Thể 1 nhiễm.

Số trường hợp gen lặn có thể biểu hiện thành kiểu hình là

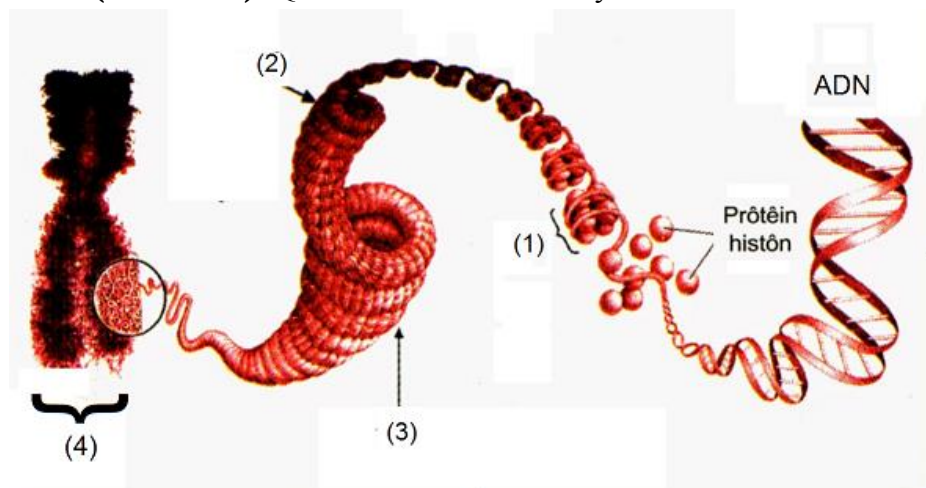
A. 3

B. 5

C. 4

D. 6

Câu 7 (ID 168767): Quan sát hình ảnh sau đây:



Có bao nhiêu nhận xét về hình ảnh trên là đúng?

(1) Cấu trúc (1) có chứa 8 phân tử histon và được gọi là nuclêôxôm.

(2) Chuỗi các cấu trúc (1) nối tiếp với nhau được gọi là sợi cơ bản với đường kính 11 nm.

(3) Cấu trúc (2) được gọi là sợi siêu xoắn (vùng xếp cuộn) với đường kính 300 nm.

(4) Cấu trúc (3) là mức cuộn xoắn cao nhất của nhiễm sắc thể và có đường kính 700 nm.

(5) Cấu trúc (4) chỉ xuất hiện trong nhân tế bào sinh vật nhân thực vào kỳ giữa của quá trình nguyên phân.

(6) Khi ở dạng cấu trúc 4, mỗi nhiễm sắc thể chứa hai phân tử ADN mạch thẳng, kép.

A. 3.

B. 1.

C. 4.

D. 2

Câu 8 (ID 168768): Một loài có bộ NST $2n=40$, một thể đột biến một nhiễm kép xảy ra ở cặp NST số 1 và cặp NST số 3, theo lý thuyết thì trong số giao tử của cơ thể này, giao tử đột biến chiếm tỷ lệ:

A. 25%

B. 12.5%

C. 50%

D. 75%

Câu 9 (ID 168769): Theo lý thuyết, đời con của phép lai nào sau đây sẽ có nhiều loại kiểu gen nhất?

A. $\frac{AB}{ab} \frac{DE}{de} Hh \times \frac{Ab}{ab} \frac{De}{de} hh$

B. $\frac{AB}{ab} \frac{DE}{de} Hh \times \frac{Ab}{aB} \frac{De}{dE} Hh$

C. $\frac{AB}{ab} \frac{DE}{de} X^H X^h \times \frac{Ab}{aB} \frac{De}{dE} X^H Y$

D. $AaBbDd EeHh \times AaBbDd EeHh$

Câu 10 (ID 168770): Có bao nhiêu phát biểu sau đây về sự biểu hiện của đột biến gen là đúng?

(1) Một đột biến gen lặn gây chết xuất hiện ở giai đoạn tiền phôi thường không thể bị loại bỏ hoàn toàn ra khỏi quần thể dưới tác dụng của chọn lọc tự nhiên.

(2) Đột biến gen lặn ở tế bào xôma thường biểu hiện ở một phần của cơ thể tạo nên thể khảm và không di truyền được qua sinh sản hữu tính.

(3) Đột biến gen trội xảy ra ở giao tử cần phải trải qua ít nhất là hai thế hệ để tạo ra kiểu gen đồng hợp thì mới có thể biểu hiện ra kiểu hình.

(4) Sự biểu hiện của đột biến gen không những phụ thuộc vào loại tác nhân, cường độ và liều lượng của từng loại tác nhân mà còn phụ thuộc vào đặc điểm cấu trúc của gen.

A. 4.

B. 1.

C. 3.

D. 2.

Câu 11 (ID 168771): Có một trình tự mARN 5'AUG GGG UGX UXG UUU 3' mã hóa cho một đoạn polipeptit gồm 5 axit amin. Dạng đột biến nào sau đây dẫn đến việc chuỗi polipeptit hoàn chỉnh được tổng hợp từ trình tự ARN do gen đột biến tổng hợp chỉ còn lại 2 axit amin?

- A. Thay thế nu thứ 5 tính từ đầu 5' trên mạch gốc của đoạn gen tương ứng bằng T.
- B. Thay thế nu thứ 9 tính từ đầu 3' trên mạch gốc của đoạn gen tương ứng bằng T
- C. Thay thế nu thứ 11 tính từ đầu 5' trên mạch gốc của đoạn gen tương ứng bằng T.
- D. Thay thế nu thứ 9 tính từ đầu 3' trên mạch gốc của đoạn gen tương ứng bằng A.

Câu 12 (ID 168772): Ở một loài động vật có bộ NST $2n = 8$ (mỗi cặp nhiễm sắc thể gồm 1 chiếc có nguồn gốc từ bố và 1 chiếc có nguồn gốc từ mẹ). Nếu trong quá trình giảm phân tạo tinh trùng có 32% số tế bào chỉ xảy ra trao đổi chéo tại một điểm ở cặp số 1, có 40% số tế bào chỉ xảy ra trao đổi chéo tại một điểm ở cặp số 3, cặp nhiễm số 2 và số 4 không có trao đổi chéo. Theo lý thuyết, loại tinh trùng mang tất cả các nhiễm sắc thể có nguồn gốc từ bố có tỉ lệ là :

A. 2,5%

B. 5%

C. 7.5%

D. 4,2%

Câu 13 (ID 168773): Ở một loài động vật, tính trạng màu lông do gen nằm trên NST giới tính X qui định, tính trạng chiều cao do gen nằm trên NST thường qui định, tính trạng kháng thuốc do gen nằm trong ti thể qui định. Chuyển nhân từ tế bào xôma của một con đực A có màu lông vàng, chân cao, kháng thuốc vào tế bào trứng mất nhân của cơ thể cái B có màu lông đỏ, chân thấp, không kháng thuốc tạo được tế bào C. Tế bào này nếu có thể phát triển thành cơ thể thì kiểu hình của cơ thể này là:

- A. Đực, lông vàng, chân cao, không kháng thuốc.
- B. Đực, lông vàng, chân thấp, kháng thuốc.
- C. Đực, lông vàng, chân cao, kháng thuốc.
- D. Cái, lông vàng, chân cao, không kháng thuốc.

Câu 14 (ID 168787): Ở một loài thực vật, tính trạng hình dạng quả do hai gen không alen tương tác bổ sung, khi lai cây quả dẹt thuần chủng với cây quả dài, thuần chủng thu được F_1 toàn cây quả dẹt. Cho cây F_1 tự thụ phấn thu được F_2 có tỉ lệ 9 cây quả dẹt : 6 cây quả tròn : 1 cây quả dài. Trong các phép lai của các cây F_2 sau:

- 1. $AaBB \times aaBB$.
- 2. $AABb \times aaBb$.
- 3. $AaBb \times Aabb$.
- 4. $AaBB \times Aabb$.
- 5. $AABb \times Aabb$.
- 6. $AaBb \times aaBb$.

Phép lai thu được tỉ lệ kiểu hình 3 dẹt : 1 tròn là:

A. 2, 4

B. 2,5

C. 4,6

D. 1, 3, 5

Câu 15 (ID 168788): Khi nói về đột biến lệch bội, phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Ở tế bào sinh dục, đột biến lệch bội chỉ xảy ra đối với cặp NST giới tính mà không xảy ra đối với cặp NST thường.
- B. Đột biến lệch bội được phát sinh do rối loạn phân bào làm cho tất cả các cặp NST tương đồng đều không phân ly.
- C. Ở cùng một loài tần số xảy ra đột biến lệch bội thể không nhiễm thường cao hơn đột biến lệch bội dạng thể một nhiễm.
- D. Đột biến lệch bội cũng có thể xảy ra trong nguyên phân ở các tế bào sinh dưỡng hình thành nên thể khảm

Câu 16 (ID 168789): Ở người bệnh bạch tạng do 1 gen lặn nằm trên NST thường, bệnh máu khó đông do 1 gen

lặn nằm trên NST giới tính X và không có alen trên Y. Một cặp vợ chồng bình thường, bên phía vợ có ông ngoại bị máu khó đông, cha bị bạch tạng, bên phía chồng có bà nội và mẹ bị bạch tạng, những người khác trong 2 gia đình không bị 2 bệnh này. Cặp vợ chồng này dự định sinh 2 đứa con. Cho rằng trong quá trình giảm phân không có đột biến, xác suất để 2 đứa con đều bị 2 bệnh là:

- A. 1/128 B. 1/1024 C. 1/512 D. 1/256

Câu 17 (ID 168790): Ở một loài động vật, cho con đực thân đen, mắt trắng thuần chủng lai với con cái thân xám, mắt đỏ thuần chủng, được F₁ đồng loạt thân xám, mắt đỏ. Cho F₁ giao phối với nhau, đời F₂ có: 50% con cái thân xám, mắt đỏ, 20% con đực thân xám mắt đỏ, 20% con đực thân đen mắt trắng, 5% con đực thân đen mắt đỏ. Cho biết mỗi tính trạng do một cặp gen qui định. Phép lai này chịu sự chi phối của các quy luật nào sau đây:

- (1) Di truyền trội lặn hoàn toàn (2) Gen nằm trên nhiễm sắc thể X di truyền chéo
(3) Liên kết gen không hoàn toàn (4) Phân ly độc lập

- A. 1, 2, 4 B. 1, 3, 4. C. 2, 3, 4. D. 1, 2, 3.

Câu 18 (ID 168791): Ở bò tính trạng không sừng là trội so với có sừng. Lông có thể có màu đỏ, trắng hoặc lang do đỏ trội không hoàn toàn so với trắng. Cả hai gen qui định tính trạng này nằm trên hai cặp nhiễm sắc thể thường khác nhau. Tiến hành lai một con bò đực với một con bò cái, cả hai đều có lông lang và đều là dị hợp tử với tính trạng không sừng. Điều giải thích nào dưới đây là **đúng** đối với đời con của phép lai trên?

- (1) Xác suất để sinh ra các con bò trắng có sừng và bò trắng không sừng là như nhau.
(2) Xác suất sinh ra bò lang không sừng cao gấp 3 lần bò lang có sừng.
(3) Xác suất sinh ra bò đỏ không sừng và bò trắng không sừng là như nhau.
(4) Về mặt thống kê thì số lượng bò lang có sừng phải nhiều hơn bất cứ kiểu hình nào khác.
(5) Xác suất để sinh ra bò lang không sừng nhiều gấp hai lần bò trắng không sừng.

- A. 2, 3, 4 B. 2, 3, 5. C. 2, 4, 5. D. 1, 2, 3.

Câu 19 (ID 168792): Theo thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại, có các phát biểu sau về chọn lọc tự nhiên:

1. Chọn lọc tự nhiên quy định chiều hướng tiến hóa.
2. Chọn lọc tự nhiên không loại bỏ hoàn toàn các gen lặn có hại trong quần thể.
3. Chọn lọc tự nhiên tạo ra các kiểu gen thích nghi trong quần thể.
4. Alen trội có hại bị chọn lọc tự nhiên loại bỏ nhanh ra khỏi quần thể.
5. Chọn lọc tự nhiên tác động trực tiếp lên từng alen.

Số phát biểu đúng là:

- A. 2 B. 4 C. 3 D. 1

Câu 20 (ID 168793): Tính trạng màu hoa do hai cặp gen nằm trên hai cặp NST khác nhau tương tác gen theo kiểu bổ sung, trong đó có cả 2 gen A và B thì quy định hoa đỏ, thiếu một trong hai gen A hoặc B thì quy định hoa vàng, kiểu gen aabb quy định hoa trắng. Ở một quần thể đang cân bằng di truyền, trong đó alen A có tần số 0,4 và alen B có tần số 0,3. Theo lý thuyết, kiểu hình hoa đỏ chiếm tỉ lệ bao nhiêu?

- A. 12% B. 32,64% C. 1,44% D. 56,25%

Câu 21 (ID 168794): Ở 1 loài thực vật, cho lai 2 giống thuần chủng, có các cặp gen tương ứng khác nhau: Cây cao, quả dài x cây thấp, quả dẹt. F₁ thu được 100% cây cao, quả dẹt. Lấy F₁ lai phân tích với cây thân thấp, quả dài, F_A thu được: 1 thân thấp, quả dẹt: 1 thân cao, quả tròn: 1 thân thấp, quả tròn: 1 thân cao, quả dài.

Có các phát biểu sau:

- (1) Tính trạng chiều cao cây tuân theo qui luật tương tác gen

- (2) Tính trạng hình dạng quả tuân theo quy luật phân li
 (3) Có 3 cặp gen qui định 2 cặp tính trạng
 (4) Tính trạng chiều cao và tính trạng hình dạng phân li độc lập
 (5) Tính trạng chiều cao và tính trạng hình dạng quả liên kết không hoàn toàn.

Số phát biểu đúng là

- A. 3 B. 4 C. 1 D. 2

Câu 22 (ID 168795): Khi nói về vai trò của cách ly địa lý trong quá trình hình thành loài mới, có các phát biểu sau :

- (1) Cách ly địa lý là những trở ngại về mặt địa lý như sông, núi, biển,... ngăn các cá thể trong cùng loài gặp gỡ và giao phối với nhau.
 (2) Cách ly địa lý trong một thời gian dài sẽ luôn dẫn đến cách ly sinh sản và hình thành loài mới.
 (3) Cách ly địa lý góp phần duy trì sự khác biệt về tần số alen và thành phần kiểu gen giữa các quần thể được tạo ra bởi các nhân tố tiến hóa.
 (4) Cách ly địa lý là những trở ngại sinh học ngăn cản các cá thể của quần thể giao phối với nhau.

Số phát biểu đúng là :

- A. 1 B. 3 C. 4 D. 2

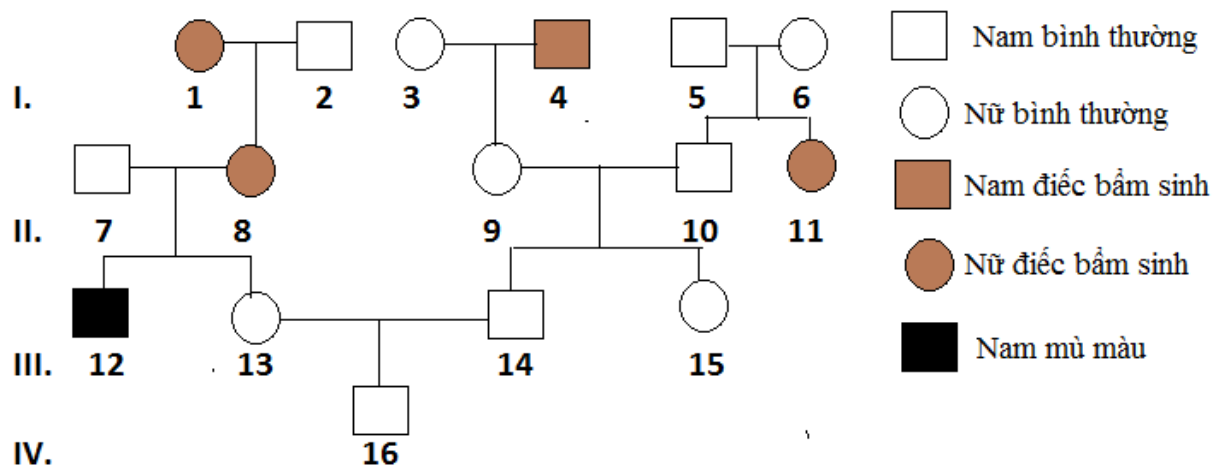
Câu 23 (ID 168796): Bằng kỹ thuật chia cắt phôi động vật, từ một phôi bò ban đầu được chia cắt thành nhiều phôi rồi cấy các phôi này vào tử cung của các con bò mẹ khác nhau để phôi phát triển bình thường, sinh ra các bò con. Các bò con này

- A. Có kiểu hình giống hệt nhau cho dù được nuôi dưỡng trong các môi trường khác nhau.
 B. Khi lớn lên có thể giao phối với nhau sinh ra đời con.
 C. Không thể sinh sản hữu tính.
 D. Có kiểu gen giống nhau.

Câu 24 (ID 168797): Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về sự phát sinh sự sống trên trái đất?

- A. Trong tiến hóa tiền sinh học có sự tạo ra các hợp chất hữu cơ cho các sinh vật dị dưỡng.
 B. Trong giai đoạn tiến hóa hóa học các hợp chất hữu cơ đơn giản và phức tạp được hình thành nhờ các nguồn năng lượng tự nhiên.
 C. Kết quả quan trọng của giai đoạn tiến hóa sinh học là hình thành dạng sống đơn giản đầu tiên.
 D. Những mầm sống đầu tiên xuất hiện ở trong khí quyển nguyên thủy.

Câu 25 (ID 168798): Cho sơ đồ phả hệ sau:



Trong các phát biểu sau, có bao nhiêu phát biểu đúng?

- (1) Cả hai tính trạng trên đều do gen lặn nằm trên nhiễm sắc thể giới tính X quy định.
- (2) Có tối đa 13 người có kiểu gen đồng hợp về tính trạng bệnh điếc bẩm sinh.
- (3) Có 10 người đã xác định được kiểu gen liên quan đến tính trạng bệnh điếc bẩm sinh.
- (4) Cặp vợ chồng III-13 và III-14 sinh ra một đứa con trai bình thường, xác suất để đứa con trai này không mang alen gây bệnh là 41,18%.

A. 1

B. 4

C. 3

D. 2

Câu 26 (ID 168802): Ở một loài thực vật, xét 1 locus gen nằm trên nhiễm sắc thể thường qui định màu hoa, trong đó alen A quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen a quy định hoa trắng. Người ta đem các cây hoa đỏ thụ phấn cho các cây hoa trắng thu được đời F_1 có 312 cây hoa đỏ và 78 cây hoa trắng. Biết rằng không có đột biến mới xảy ra. Cho các phát biểu sau:

- (1) Các cây hoa đỏ ban đầu có 40% cây mang kiểu gen dị hợp.
- (2) Đem các cây F_1 tự thụ phấn sẽ thu được 40% số cây F_2 cho hoa màu đỏ.
- (3) Đem các cây F_1 ngẫu phối sẽ thu được 36% số cây F_2 cho hoa màu trắng.
- (4) Đem các cây F_1 ngẫu phối sẽ thu được 40% số cây F_2 cho hoa màu trắng.

Số phát biểu đúng là:

A. 2

B. 4

C. 3

D. 1

Câu 27 (ID 168803): Khi nói về đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể, phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Thường gây chết cho thể đột biến là đột biến mất đoạn lớn, đột biến chuyển đoạn lớn.
- B. Đột biến chuyển đoạn có thể không làm thay đổi số lượng và thành phần gen của một nhiễm sắc thể.
- C. Đột biến đảo đoạn làm cho gen từ nhóm liên kết này chuyển qua nhóm liên kết khác.
- D. Có thể làm thay đổi mức độ hoạt động của một gen nào đó là đột biến chuyển đoạn hoặc đảo đoạn nhiễm sắc thể.

Câu 28 (ID 168804): Một quần thể có tần số kiểu gen ban đầu là $0,1AA : 0,5Aa : 0,4aa$. Biết rằng các cá thể dị hợp có khả năng sinh sản bằng $1/2$ so với cá thể đồng hợp, các cá thể có kiểu gen đồng hợp có khả năng sinh sản như nhau và bằng 100%. Sau 1 thế hệ tự thụ phấn, tần số các cá thể có kiểu gen đồng hợp lặn là :

A. 21,67%

B. 16,67%

C. 61,67%

D. 52,25%

Câu 29 (ID 168805): Giao phối những con gà chân ngắn với con chân dài, thu được F_1 đồng loạt chân ngắn. Tiếp tục cho đời con giao phối với nhau qua các thế hệ. Ở F_3 có tỉ lệ kiểu hình là 13 chân ngắn : 3 chân dài. Cho

biết tính trạng do một cặp gen qui định, mọi diễn biến trong giảm phân và thụ tinh bình thường, sức sống của các hợp tử và của các cá thể con đều đạt 100%. Theo lý thuyết thì lệ kiểu hình ở F_2 là :

- A. 13 chân ngắn : 3 chân dài
B. 3 chân ngắn : 1 chân dài (con đực)
C. 3 chân ngắn : 1 chân dài
D. 3 chân ngắn : 1 chân dài (con cái).

Câu 30 (ID 168806): Có bao nhiêu phát biểu dưới đây là sai khi nói về giao phối ngẫu nhiên?

- (1) Giao phối ngẫu nhiên không làm biến đổi thành phần kiểu gen và tần số tương đối của các alen trong quần thể.
(2) Giao phối ngẫu nhiên tạo ra các biến dị tổ hợp, góp phần trung hòa tính có hại của đột biến.
(3) Giao phối ngẫu nhiên tạo ra các kiểu gen mới, cung cấp nguồn nguyên liệu sơ cấp cho quá trình tiến hóa.
(4) Giao phối ngẫu nhiên không phải là một nhân tố tiến hóa.

- A. 4
B. 2
C. 3
D. 1

Câu 31 (ID 168807): Ở một loài $2n=8$, các nhiễm sắc thể có cấu trúc khác nhau. Quá trình nguyên phân xảy ra liên tiếp 4 lần từ 1 tế bào sinh dục sơ khai đã tạo ra số tế bào có tổng cộng là 144 nhiễm sắc thể ở trạng thái chưa nhân đôi, nếu những cá thể bị đột biến dạng này đều giảm phân thì cho ra tối đa bao nhiêu loại giao tử không bình thường về số lượng nhiễm sắc thể?

- A. 4
B. 2
C. 8
D. 1

Câu 32 (ID 168808): Hoạt động của operon Lac có thể sai sót khi các vùng, các gen bị đột biến. Các vùng, các gen khi bị đột biến thường được ký hiệu bằng các dấu – trên đầu các chữ cái (R^- , P^- , O^- , Z^-). Cho các chủng sau :

Chủng 1 : $R^+ P^- O^+ Z^+ Y^+ A^+$

Chủng 2 : $R^- P^+ O^+ Z^+ Y^+ A^+$

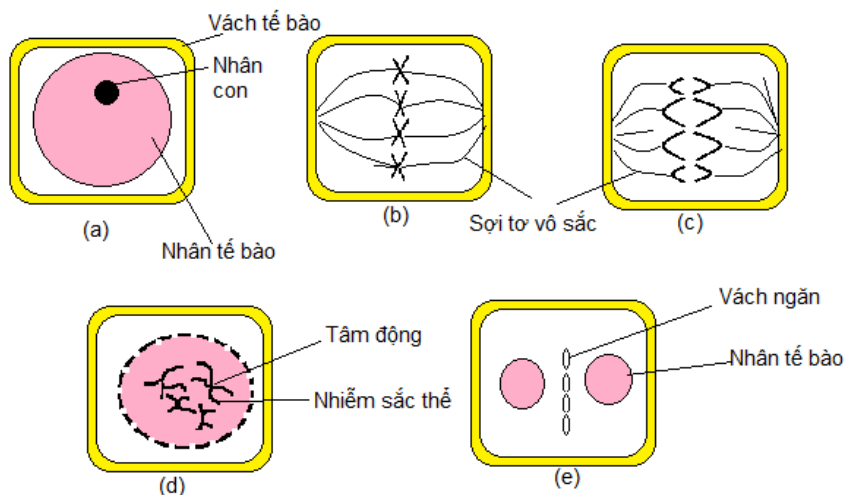
Chủng 3 : $R^+ P^- O^+ Z^+ Y^+ A^+ / R^+ P^+ O^+ Z^- Y^+ A^+$

Chủng 4 : $R^+ P^- O^- Z^+ Y^+ A^+ / R^+ P^+ O^+ Z^- Y^+ A^+$

Trong môi trường có đường lactose chủng nào không tạo ra sản phẩm β -galactosidase?

- A. 1, 2, 3.
B. 1, 3, 4.
C. 1, 2, 3.
D. 2, 3, 4.

Câu 33 (ID 168809): Khi quan sát quá trình phân bào của một tế bào sinh dưỡng ở một loài sinh vật, một học sinh đã vẽ lại sơ đồ sau :



Cho các phát biểu sau :

- (1) Bộ nhiễm sắc thể của loài này là $2n=8$.
(2) Ở giai đoạn b tế bào đang có 8 phân tử ADN thuộc 2 cặp nhiễm sắc thể.
(3) Thứ tự các giai đoạn xảy ra là a, b, d, c, e.

(4) Tế bào được quan sát là tế bào của một loài động vật.

Số phát biểu đúng là

A. 3

B. 1

C. 4

D. 2

Câu 34 (ID 168810): Trong quá trình dịch mã :

A. Mỗi Riboxom có thể hoạt động trên bất kỳ loại mARN nào.

B. Mỗi axit amin đã được hoạt hóa liên kết với bất kỳ tARN nào để tạo thành phức hợp axit amin – tARN.

C. Mỗi tARN có thể vận chuyển nhiều loại axit amin khác nhau.

D. Trên mỗi mARN nhất định chỉ có một riboxom hoạt động.

Câu 35 (ID 168811): Cho biết mỗi gen quy định một tính trạng, các gen phân ly độc lập, gen trội là trội hoàn toàn. Tính theo lý thuyết có mấy kết luận đúng về kết quả của phép lai: AaBbDdEe x AaBbDdEe?

(1) Kiểu hình mang 2 tính trạng trội và 2 tính trạng lặn ở đời con chiếm tỷ lệ 9/256.

(2) Có 8 dòng thuần được tạo ra từ phép lai trên.

(3) Tỷ lệ con có kiểu gen giống bố mẹ là 1/16.

(4) Tỷ lệ con có kiểu hình khác bố mẹ là 3/4.

(5) Có 256 kiểu tổ hợp giao tử được hình thành từ phép lai trên.

A. 3

B. 5

C. 2

D. 4

Câu 36 (ID 168812): Một quần thể thực vật lưỡng bội, alen A quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen a quy định thân thấp. Ở thế hệ xuất phát (P) gồm 25% cây thân cao và 75% cây thân thấp. Khi (P) tự thụ phấn liên tiếp qua hai thế hệ, ở F₂ cây thân cao chiếm tỷ lệ 17,5%. Theo lý thuyết, trong tổng số cây thân cao ở (P), cây thuần chủng chiếm tỉ lệ :

A. 25%

B. 20%

C. 5%

D. 12,5%

Câu 37 (ID 168813): Phát biểu nào sau đây sai khi nói về sự phát triển của sinh vật?

A. Ở đại Tân sinh cây hạt kín ngự trị, phân hóa các lớp chim, thú, côn trùng.

B. Ở đại Trung sinh, cây hạt trần ngự trị, bò sát phát triển mạnh.

C. Ở đại Cổ sinh, sự kiện đáng chú ý nhất là sự chinh phục đất liền của động vật và thực vật.

D. Động vật dơi lên cạn vào kỷ Cambri của đại Cổ sinh.

Câu 38 (ID 168814): Cho P : gà trống lông sọc, màu xám giao phối với gà mái có cùng kiểu hình. Ở F₁ thu được tỷ lệ : 37,5% gà trống lông sọc, màu xám : 12,5% gà trống lông sọc, màu vàng : 15% gà mái lông sọc, màu xám : 3,75% gà mái lông trơn, màu xám : 21,25% gà mái lông trơn, màu vàng : 10% gà mái lông sọc, màu vàng. Nếu cho gà trống ở thế hệ P lai phân tích thì tính theo lý thuyết, tỷ lệ gà mái lông sọc, màu xám thu được là bao nhiêu?

A. 10%

B. 40%

C. 20%

D. 5%

Câu 39 (ID 168815): Trong các phát biểu sau về bệnh ung thư ở người, có bao nhiêu phát biểu đúng?

(1) Trong hệ gen của người, các gen tiền ung thư đều là những gen có hại.

(2) Bệnh ung thư thường liên quan đến các đột biến gen và đột biến NST.

(3) Những gen ung thư xuất hiện trong tế bào sinh dưỡng di truyền được qua sinh sản hữu tính.

(4) Sự tăng sinh của các tế bào sinh dưỡng luôn dẫn đến hình thành các khối u ác tính.

Số phát biểu đúng là :

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 40 (ID 168816): Khi nói về hoạt động của các enzym trong các cơ chế di truyền ở cấp độ phân tử, xét các phát biểu sau :

(1) Enzym ADN polymerase có khả năng tháo xoắn và bẻ gãy liên kết hidro giữa 2 mạch của phân tử ADN.

(2) Enzym ADN polymerase không có khả năng tổng hợp nucleotit đầu tiên của chuỗi polynucleotit.

(3) Enzym ARN polymerase không tham gia quá trình tự nhân đôi ADN.

(4) Enzym ARN polymerase không hoạt động trên cả 2 mạch của gen trong quá trình phiên mã.

Số phát biểu đúng là :

A. 4

B. 1

C. 2

D. 3

Tuyensinh247.com

Tuyensinh247.com

Tuyensinh247.com

Tuyensinh247.com

Tuyensinh247.com

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT
Thực hiện : Ban chuyên môn Tuyensinh247.com

1.C	11.B	21.C	31.C
2.A	12.D	22.D	32.B
3.D	13.A	23.D	33.B
4.B	14.A	24.B	34.A
5.C	15.D	25.D	35.C
6.C	16.C	26.A	36.C
7.C	17.D	27.C	37.D
8.D	18.B	28.C	38.C
9.C	19.B	29.D	39.A
10.C	20.C	30.B	40.B